

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2331/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 6 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (lần 2).**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20/4/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 28/04/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (lần 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 565/TTr-TNMT ngày 19/8/2022),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Phú Thọ với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là: 3.645,44 ha, giảm 24,75 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa là: 1.024,85 ha, giảm 20,41 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Trong đó: Điều chỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 603,74 ha, giảm 21,09 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 695,35 ha, giảm 4,18 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.158,54 ha, giảm 15,05 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất là: 547,23 ha, tăng 17,03 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản là: 190,14 ha, giảm 2,19 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là: 2.843,00 ha, tăng 25,19 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất an ninh là: 66,25 ha, tăng 0,05 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất khu công nghiệp là: 335,70 ha, giảm 14,72 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất cụm công nghiệp là: 99,77 ha, tăng 1,30 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ là: 46,39 ha, tăng 1,02 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 61,51 ha, tăng 0,19 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 1.065,01 ha, tăng 5,47 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng là: 29,78 ha, tăng 5,54 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn là: 481,30 ha, tăng 21,91 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại đô thị là: 165,23 ha, tăng 5,42 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là: 8,25 ha, giảm 0,99 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là: 31,68 ha, giảm 0,44 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của UBND thị xã Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

Phụ biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh kế hoạch

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo ĐC KH2022 lần 1 (ha)	Diện tích ĐC KH2022 lần 2 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	LOẠI ĐẤT		6.520,15	6.520,15	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.670,22	3.645,47	-24,75
	<i>Trong đó:</i>		-		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.045,26	1.024,85	-20,41
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>624,83</i>	<i>603,74</i>	<i>-21,09</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	699,53	695,35	-4,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.173,59	1.158,54	-15,05
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	530,20	547,23	17,03
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	192,33	190,19	-2,14
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	29,31	29,31	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.817,81	2.843,00	25,19
	<i>Trong đó:</i>		-	-	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	160,64	160,64	-
2.2	Đất an ninh	CAN	66,20	66,25	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	350,42	335,70	-14,72
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	98,47	99,77	1,30
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	45,37	46,39	1,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	61,32	61,51	0,19
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,68	1,68	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	12,39	12,39	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.059,54	1.065,01	5,47
	<i>Trong đó:</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>799,42</i>	<i>807,09</i>	<i>7,67</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>104,25</i>	<i>102,36</i>	<i>-1,89</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,36</i>	<i>2,35</i>	<i>-0,01</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,03</i>	<i>6,03</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>60,04</i>	<i>60,04</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>6,17</i>	<i>6,17</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>10,60</i>	<i>9,84</i>	<i>-0,76</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,58</i>	<i>0,58</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,08</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>12,38</i>	<i>12,38</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>46,17</i>	<i>46,62</i>	<i>0,45</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>6,32</i>	<i>6,32</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>5,05</i>	<i>5,06</i>	<i>0,01</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo ĐC KH2022 lần 1 (ha)	Diện tích ĐC KH2022 lần 2 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-) (ha)
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,68	5,68	-
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	24,24	29,78	5,54
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	459,39	481,30	21,91
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	159,81	165,23	5,42
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,24	8,25	-0,99
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,11	12,11	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,53	2,53	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	234,36	234,36	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	54,42	54,42	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	32,12	31,68	-0,44

1.2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Tổng số dự án điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Phú Thọ là 24 dự án, trong đó: Dự án bổ sung mới: 11 dự án; Dự án điều chỉnh: 13 dự án

(Chi tiết có phụ biểu số 02 đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 điều chỉnh theo quyết định, tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND thị xã Phú Thọ có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thị xã Phú Thọ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

**PHỤ BIỂU SỐ 02: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHÚ THỌ (LẦN 2)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án	
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC		BCS
A	Các công trình, dự án đăng ký mới bổ sung kế KHSDD năm 2022		31,70	3,57	1,00	2,04	4,35	0,03	2,66	0,12	0,01	-	-	-	14,72	0,78	1,28	0,01	-	-	0,10	0,99	0,04	
1	Cum công nghiệp Thanh Minh (GĐ1)	Xã Thanh Minh	1,30			0,37										0,01	0,92							Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
2	Cải tạo nâng cấp đường Đoàn Kết, phường Hùng Vương	Phường Hùng Vương	0,28				0,07				0,01						0,19		0,01					Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022;
3	Dự án đấu giá QSD khu 12,13 Trầm Phướn xã Hà Lộc	Xã Hà Lộc	4,97		1,05	1,11	0,68	0,03	1,66								0,27	0,13					0,04	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
4	Đấu giá quyền sử dụng đất Chân Gò Huyện	Xã Phú Hộ	1,48	1,20		0,18			0,02								0,01	0,07						Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022;
5	Xây dựng Chợ Phú Hà và khu đấu giá quyền sử dụng đất thuộc địa bàn 2 xã Phú Hộ, Hà Thạch, thị xã Phú Thọ	Xã Phú Hộ và xã Hà Thạch	3,38	1,50		0,13	0,12		0,33								0,15	0,16				0,99		Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Lê Lai, phường Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ	Phường Thanh Vinh, TX Phú Thọ	1,20	0,60		0,05	0,38		0,05	0,12														Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022
7	Nâng cấp, cải tạo đường Trường Chinh, kết hợp cải tạo cảnh quan Hồ Đình Tỏi, thị xã	Thị xã Phú Thọ	0,56	0,27		0,05			0,10								0,14							Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2023

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC	
	dân cư																						
B	Công trình, dự án đã được phê duyệt trong KHSDĐ năm 2022, nay xin điều chỉnh																						
I	Loại đất thu hồi, chuyển MĐSDĐ theo kế hoạch 2022 đã được duyệt		187,17	55,08	3,34	22,64	48,49	24,62	5,11	0,17	9,13	0,05	-	0,52	-	13,05	3,88	0,05	0,02	0,84	-	-	0,18
1	Khu công nghiệp Phú Hà (GD1)	Xã Hà Thạch, Hà Lộc, Phú Hộ	103,64	12,02	3,34	9,05	40,45	21,74	1,14		5,50					6,87	2,54			0,84			0,15
2	Khu nhà ở đô thị ven hồ Đồng Nhà Đông	Phường Hùng Vương và xã Văn Lung	9,76	8,36			0,12			0,17	0,23					0,56	0,32						Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
3	Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thị xã Phú Thọ	21,00	5,29		5,24	3,55	1,55	1,20		3,10					0,85	0,22						Quyết định số 2275/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án	
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC		BCS
																								đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối đường tỉnh 325 B kết nối đường HCM đi cầu Ngọc Tháp	xã Hà Thạch	19,08	9,60		3,60	3,45		1,83			0,05		0,52									0,03	Nghị quyết số 11/2021/NQHĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
5	Tuyến đường nối từ đường HCM đến đường tỉnh 320C (đường đi xã Đông Thành, huyện Thanh Ba)	xã Văn Lung, Hà Thạch, Hà Lộc, Phong Châu	22,46	16,09		0,34	0,01	0,83	0,43		0,01					4,09	0,66							Nghị quyết số 11/2021/NQHĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
6	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền đến khu vực đường Nguyễn Thái Học, phường Trường Thịnh (cũ)	Phường Hùng Vương	5,50	1,65		2,47	0,58		0,48							0,15	0,10	0,05	0,02					Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
7	Mở rộng khuôn viên nhà thờ Ngọc Tháp	xã Hà Thạch	0,07								0,07													Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
8	Xây dựng nhà thờ và một số công trình phụ trợ của giáo họ Lũng Thượng	xã Hà Thạch	0,18	0,10							0,08													Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
9	Xây dựng nhà thờ và các công trình phụ trợ của họ giáo Xuân Tiến tại khu Vạn	Xã Văn Lung	0,14								0,14													Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC	
	Thắng, xã Văn Lung																						Thọ.
10	Xây dựng khu dân cư Trâm Khuân (giai đoạn 2)	Xã Thanh Minh	0,98	0,25	0,43	0,30																	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021;
11	Khu đấu giá QSD đất và giao đất tại Đồng Dộc Bạc, xã Văn Lung, TX Phú Thọ	Xã Văn Lung	1,74	1,17	0,18										0,37	0,02							Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
12	Khu đấu giá QSD đất khu An Ninh Thượng, xã Văn Lung, TX Phú Thọ	Xã Văn Lung	1,41		1,29										0,12								Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
13	Dự án Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì	Thị xã Phú Thọ	1,21	0,55	0,04	0,03	0,50	0,03							0,04	0,02							Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
II	Nội dung điều chỉnh		209,38	73,41	0,80	24,78	58,22	8,56	4,64	0,18	9,11	-	0,10	0,33	-	22,98	5,23	0,05	0,02	0,39	-	-	0,58
1	Khu công nghiệp Phú Hà (GĐ1)	Xã Hà Thạch, Hà Lộc, Phú Hộ	103,64	15,05	13,36	51,98	5,87	1,97			5,50				6,87	2,54				0,35			0,15 Văn bản số 1742/TTg-KTN ngày 16/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ v/v điều chỉnh, bổ sung các Khu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ vào QH phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam; Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn I, thị

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC	
																							xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
2	Khu nhà ở đô thị ven hồ Đông Nhà Dông	Phường Hùng Vương và xã Văn Lung	21,30	19,32		0,25				0,18	0,25			0,33		0,60	0,33				0,04		Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Thị xã Phú Thọ	22,00	5,99		5,41	3,59	1,63	1,21		3,10					0,85	0,22						Quyết định số 2275/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối đường tỉnh 325 B kết nối đường HCM đi cầu Ngọc Tháp và tuyến cứu hộ cứu nạn (GD1)	Xã Hà Thạch	23,58	9,89		1,50	0,98		0,40		0,06		0,10			9,00	1,25					0,40	Nghị quyết số 06/2022/NQHĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
5	Tuyến đường nối từ đường HCM đến đường tỉnh 320C (đường đi xã Đông Thành, huyện Thanh Ba)	xã Văn Lung, Hà Thạch, Hà Lộc, Phong Châu	28,35	20,25		0,70	0,08	1,06	0,56		0,08					4,87	0,75						Nghị quyết số 06/2022/NQHĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ.
6	Cải tạo, nâng cấp đường Ngõ Quyền đến khu vực đường Nguyễn Thái	Phường Hùng Vương	5,50	0,85	0,80	1,98	1,00		0,50							0,20	0,10	0,05	0,02				Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng																			Căn cứ thực hiện dự án		
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ODT	ONT	CAN	TMD	SKC	SKK	DGT	DTL	DVH	DTT	NTD	DCH	TSC		BCS	
	Học, phòng Trường Thịnh (cũ)																							Thọ	
7	Mở rộng khuôn viên nhà thờ Ngọc Tháp	xã Hà Thạch	0,07				0,03																	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	
8	Xây dựng nhà thờ và một số công trình phụ trợ của giáo họ Lũng Thượng	xã Hà Thạch	0,18	0,09			0,05																0,01	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	
9	Xây dựng nhà thờ và các công trình phụ trợ của họ giáo Xuân Tiến tại khu Vạn Thắng, xã Văn Lung	Xã Văn Lung	0,14				0,10																	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	
10	Xây dựng khu dân cư Trầm Khuân (giai đoạn 2)	Xã Thanh Minh	0,98	0,60			0,24									0,10	0,02							0,02	NQ 02/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022
11	Khu đầu giá QSD đất và giao đất tại Đông Dộc Bạc, xã Văn Lung, TX Phú Thọ	Xã Văn Lung	1,74	1,17			0,16	0,03								0,36	0,02							Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	
12	Khu đầu giá QSD đất khu An Ninh Thượng, xã Văn Lung, TX Phú Thọ	Xã Văn Lung	1,41				1,28									0,13								Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	
13	Dự án Cải tạo ĐZ 110kV từ TBA 220kV Phú Thọ - Bãi Bằng - Việt Trì	Thị xã Phú Thọ	0,45	0,20			0,15	0,10																Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.	